

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số:44/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2023

V/v tranh chấp ly hôn và
nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Hồng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khuru Liên D

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tô Thị Kiều D**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 32/24, B1, khóm M, phường V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Ông **Triệu Văn B**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 32/24, B1, khóm M, phường V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

(Bà D có đơn xin vắng mặt, ông B vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Tô Thị Kiều D là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Triệu Văn B chung sống với nhau từ năm 1992, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục và vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 10/5/1994. Quá trình chung sống có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhưng từ khoảng 2019 đến nay thì mâu thuẫn càng gây gắt hơn, vợ chồng có cãi vã và xô xát. Lý do dẫn đến mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cách chi tiêu trong gia đình, mỗi lần vợ chồng cãi vã là ông B có hành vi đánh bà, có một vài lần bà báo chính quyền địa phương tuy nhiên địa phương chỉ xuống nghe trình bày rồi đi về

nhưng không lập biên bản nên hiện tại bà không có chứng cứ để chứng minh cho sự việc này. Trong quá trình chung sống bà đã nhiều lần bỏ ra ngoài sống riêng tuy nhiên sau đó ông B đến năn nỉ thì vì thương con nên bà về chung sống. Ngoài ra, bà đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu nhiều lần, đây là lần thứ 4, những lần trước vì để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn tình cảm nên bà rút đơn về nhưng giờ vợ chồng đã không thể hàn gắn tình cảm được nữa nên bà khởi kiện xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà D xác định quá trình chung sống có ba con chung là cháu Triệu Nhật H, sinh ngày 18/01/1996, cháu Triệu Nhật M, sinh ngày 14/11/1993 và cháu Triệu Yến L, sinh ngày 28/01/2006. Khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai ngày 07/3/2023, quá trình giải quyết tại Tòa và tại phiên tòa, ông Triệu Văn B là bị đơn trong vụ án trình bày:* Ông thống nhất với bà D về vấn đề hôn nhân là có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng vào năm 2021 thì vợ chồng có cãi vã và có xảy ra xô xát. Đối với việc bà D nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa thì ông có biết bà D đã nộp đơn xin ly hôn 02 lần còn những lần khác thì ông không biết. Trong quá trình hòa giải, ông B kiên quyết không đồng ý ly hôn tuy nhiên tại bản tự khai và biên bản làm việc cùng ngày 16/6/2023 thì ông B đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có ba con chung là cháu Triệu Nhật H, sinh ngày 18/01/1996, cháu Triệu Nhật M, sinh ngày 14/11/1993 và cháu Triệu Yến L, sinh ngày 28/01/2006. Nếu phải ly hôn thì ông B xác định tôn trọng ý kiến của cháu L, thống nhất ý kiến với L. Đối với hai cháu H và M đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông B xác định có tài sản chung sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về vụ án:*

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị Kiều D được ly hôn với ông Triệu Văn B. Về con chung: Giao cháu Triệu Yến L, sinh ngày 28/01/2006 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Do bà D và ông B không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội D vụ kiện như sau:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Tô Thị Kiều D yêu cầu ly hôn với ông Triệu Văn B, xét đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại khóm 1, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Kiều D và ông Triệu Văn B có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa bà D và ông B là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu của bà Tô Thị Kiều D xin ly hôn với ông Triệu Văn B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà D và ông B đều thừa nhận quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, có xảy ra cãi vã và xô xát. Đồng thời bà D cũng đã nộp đơn khởi kiện nhiều lần đến Tòa án về việc xin ly hôn với ông B nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận các tình tiết này trong quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông B thể hiện đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần trên thực tế nên mục đích hôn nhân của bà D và ông B đã không đạt được. Nay bà D xin ly hôn thì ông B cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có ba con chung là cháu Triệu Nhật H, sinh ngày 18/01/1996, cháu Triệu Nhật M, sinh ngày 14/11/1993 và cháu Triệu Yến L, sinh ngày 28/01/2006. Bà D có yêu cầu nuôi dưỡng cháu L, còn ông B có ý kiến nếu phải ly hôn thì ông B trọng ý kiến của cháu L, thống nhất ý kiến với L. Đối với hai cháu H và M đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu. Thấy rằng tại biên bản ghi lời khai cháu L ngày 08/3/2023, cháu L có nguyện vọng muốn được sống cùng bà D nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu L của bà D. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không có yêu cầu. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà D xác định không có tài sản chung, ông B xác định có tài sản chung nhưng không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà D và ông B xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa.

[7] Về án phí dân sự: Bà D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Tô Thị Kiều D được ly hôn với ông Triệu Văn B.

2/. Về con chung: Giao cháu Triệu Yến L, sinh ngày 28/01/2006 cho bà Tô Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (cháu đang sống cùng bà D được giữ nguyên). Ông Triệu Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5/. Về án phí: Bà Tô Thị Kiều D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà D đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008142 ngày 24/11/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai, bà Tô Thị Kiều D và ông Triệu Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hồng Trinh